

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng ĐA; địa chỉ trụ sở: Số 130 P, phường 3, Quận P, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh X; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Z; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng ĐA - Chi nhánh H - Phòng giao dịch N (Văn bản ủy quyền số 265 ngày 28 tháng 02 năm 2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị X; nơi cư trú: Xóm 7, thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn Z; nơi cư trú: Xóm 7, thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng ĐA do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 27/11/2019, bà Trần Thị X và chồng là ông Lê Văn Z đã ký “Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn” và ngày 05/12/2019 bà Trần Thị X đã ký “Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp” với Ngân hàng ĐA - Chi nhánh H - Phòng Giao dịch T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng ĐA). Theo nội dung “Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn” và “Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp”, các bên đã thoả thuận như sau: Bà Trần Thị X vay trả góp số tiền: 20.000.000 đồng; Lãi suất: 9,5%/năm; Thời hạn vay 24 tháng; Ngày thanh toán đầu tiên: 06/1/2020; mục đích vay vốn bổ sung phát triển kinh tế hộ gia đình; tài sản đảm bảo cho khoản vay: Không có. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng ĐA đã giải ngân cho bà Trần Thị X vay số tiền 20.000.000 đồng và bà Trần Thị X cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ĐA và đã trả được số tiền gốc là 11.774.310 đồng; lãi trong hạn là 3.225.690 đồng. Tính đến ngày 25/01/2022, bà X đã trả được tổng số tiền là 15.000.000 đồng nhưng sau đó bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng kỳ hạn. Ngày 05/2/2021, hồ sơ vay vốn bà Trần Thị X đến hạn trả nợ định kỳ cho Ngân hàng nhưng bà Trần Thị X không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng ĐA. Ngân hàng và Tổ trưởng tổ vay vốn, Chủ tịch Hội phụ nữ xã M đã đến nhà nhiều lần để đôn đốc, lập biên bản làm việc. Tuy nhiên, bà Trần Thị X không hợp tác, không có ý thức trong việc thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Tính đến ngày 25 tháng 01 năm 2022, bà Trần Thị X còn nợ Ngân hàng ĐA tổng số tiền là: 10.106.913 đồng (Mười triệu một trăm linh sáu nghìn chín trăm mười ba đồng); trong đó: Nợ gốc: 8.225.690 đồng; Lãi trong hạn: 569.032 đồng; Lãi quá hạn: 1.312.191 đồng.

Nay Ngân hàng ĐA yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị X phải trả ngay toàn bộ khoản nợ gốc và lãi nói trên theo quy định tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Trường hợp bà Trần Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng và đầy đủ cho Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên ông Lê Văn Z phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị X cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng ĐA căn cứ theo nội dung trong Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của bà Trần Thị X, ông Lê Văn Z là người bảo lãnh ký ngày 27/11/2019 có xác nhận của Chủ tịch Hội phụ nữ xã M ký xác nhận.

Bị đơn là bà Trần Thị X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Z là vợ chồng có nơi cư trú và hiện vẫn thường xuyên sinh sống tại xóm 7, thôn Tuy Lạc, xã M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà X, ông Z. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa bà X, ông Z không đến Tòa để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của Ngân hàng ĐA.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự thủ tục từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tuy nhiên về quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự là chưa chính xác. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116; Điều 119; Điều 274; Điều 280; Điều 335; Điều 336; Điều 342; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng ĐA số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết đến ngày xét xử. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, chị Thu còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp bà Trần Thị X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ĐA, thì ông Lê Văn Z có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị X theo cam kết như trong Đề nghị vay vốn. Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền xét xử vụ án này. Bà Trần Thị X, ông Lê Văn Z có nơi cư trú tại xã M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bà X và ông Z đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X và ông Z.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng ĐA và bị đơn là bà Trần Thị X xác lập quan hệ tín dụng với nhau thông qua hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 01037532-0174603701T19032, ngày 05/12/2019; mục

đích khoản vay bổ sung vốn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng bà Trần Thị X không có chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại là chưa chính xác, cần phải xác định lại đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào tài liệu mà nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 01037532-0174603701T19032, ngày 05/12/2019; Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn có chữ ký của bà Trần Thị X, ông Lê Văn Z, có xác nhận của Hội Liên hiệp phụ nữ xã M. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối. Như vậy xác định lời khai của nguyên đơn là có cơ sở, xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 05/12/2019 tại Ngân hàng ĐA - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch Thủy Nguyên. Quá trình vay vốn, bà Trần Thị X đã vi phạm nghĩa trả nợ với Ngân hàng Đông Á, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà X mới trả được số tiền gốc là 11.774.310 đồng; lãi trong hạn là 3.225.690 đồng. Tính đến hết ngày 25 tháng 01 năm 2022, bà Trần Thị X còn nợ Ngân hàng ĐA tổng số tiền là: 10.106.913 đồng (Mười triệu một trăm linh sáu nghìn chín trăm mười ba đồng); trong đó: Nợ gốc: 8.225.690 đồng; Lãi trong hạn: 569.032 đồng; Lãi quá hạn: 1.312.191 đồng. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị X phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng ĐA và phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Xét yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Z (người bảo lãnh) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ĐA.

Tại đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 27/11/2019 có xác nhận của Hội phụ nữ xã M, ông Lê Văn Z (chồng bà X) cam kết trong trường hợp bà Trần Thị X không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng ĐA thì ông Lê Văn Z sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng ĐA. Xét việc thỏa thuận nói trên giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Vì vậy trường hợp bà X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ĐA thì ông Lê Văn Z phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị X cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng ĐA là phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 292, 335, 336, 339, 340, 342 và Điều 343 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 468; khoản 7 Điều 292; Điều 335; Điều 336; Điều 339; Điều 340; Điều 342 và Điều 343 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị X phải trả Ngân hàng ĐA tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 25 tháng 01 năm 2022 là: 10.106.913 đồng (Mười triệu một trăm linh sáu nghìn chín trăm mười ba đồng); trong đó: Nợ gốc: 8.225.690 đồng; Lãi trong hạn: 569.032 đồng; Lãi quá hạn: 1.312.191 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Trần Thị X không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ĐA thì ông Lê Văn Z phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị X cho đến khi hết nợ vay theo nội dung cam kết của người bảo lãnh tại Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 27/11/2019.

3. Về án phí: Bà Trần Thị X phải nộp số tiền 505.346 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng ĐA số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007554 ngày 14 tháng 10 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Anh**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Đức Cảnh**

**Hoàng Đức Hân**

**Lương Ngọc Anh**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKS ND huyện Thủy Nguyên;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Anh**



